

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN LONG HỒ
TỈNH VĨNH LONG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập–Tự do–Hạnh phúc**

Bản án số: 85/2018/ HNGĐ-ST
Ngày 04-9-2018
V/v tranh chấp ly hôn và nuôi con.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LONG HỒ, TỈNH VĨNH LONG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

-Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Võ Công Bằng

-Các hội thẩm nhân dân: 1. Ông Trần Văn Hưng
2. Ông Nguyễn Văn Trước

-Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Tuyết Hoa –Thư ký Tòa án nhân dân huyện Long Hồ, tỉnh Vĩnh Long

-Đại diện Viện Kiểm Sát nhân dân huyện Long Hồ: Không tham gia phiên tòa.

Trong ngày 04 tháng 9 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Long Hồ xét xử công khai sơ thẩm vụ án Hôn nhân & Gia đình sơ thẩm thụ lý số: 269/ 2018/ TLST- HNGĐ ngày 19 tháng 6 năm 2018, về việc “ Tranh chấp ly hôn và nuôi con”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số : 170/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 30 tháng 7 năm 2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số 130/2018/QĐST-HNGĐ, ngày 17 tháng 8 năm 2018, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Phan Thị Bé M, sinh năm: 1983

Địa chỉ: Số 300/29, ấp T, xã B, huyện H, tỉnh L.

2. *Bị đơn:* Anh Nguyễn Văn L, sinh năm: 1973 (vắng mặt).

Địa chỉ: Số 300/29, ấp T, xã B, huyện H, tỉnh L.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

-Theo đơn khởi kiện ngày 07/5/2018 và trong quá trình tham gia tố tụng nguyên đơn chị Phan Thị Bé M trình bày:

Chị và anh Nguyễn Văn L qua quen biết, sau khi tìm hiểu rồi tiến đến hôn nhân, được Ủy ban nhân dân xã B, huyện H, tỉnh L cấp giấy chứng nhận kết hôn số 01 ngày 06/9/2006. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc, càng về sau phát sinh nhiều mâu thuẫn, bất đồng ngày càng trầm trọng, chị và anh L ly thân đã 03 năm, hiện tại không còn tình cảm. Đời sống hôn nhân không thể kéo dài, tình

cảm không còn, mâu thuẫn không thể hàn gắn được. Chị yêu cầu được ly hôn với anh L.

Về con chung: Có 01 con chung tên Nguyễn Phan Minh N, sinh ngày 22/4/2007. Khi ly hôn chị yêu cầu được nuôi con, không yêu cầu anh L cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Không yêu cầu giải quyết.

Về nợ chung: Chị cam kết không có thiếu nợ ai trong thời kỳ hôn nhân, nếu có chị cam kết trả nợ theo quy định của pháp luật.

-Bị đơn anh Nguyễn Văn L vắng mặt trong các phiên hòa giải, không có bản khai ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

-Cháu Nguyễn Phan Minh N trình bày: Cháu là con của chị M và anh L. Khi cha mẹ ly hôn, nguyện vọng của cháu là được ở với mẹ.

-Ý kiến của chị M tại phiên tòa: Chị vẫn bảo lưu yêu cầu được ly hôn với anh L, yêu cầu được nuôi con, về cấp dưỡng nuôi con, về tài sản chung và nợ chung: chị không yêu cầu giải quyết. Ngoài ra chị không có yêu cầu gì khác.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN :

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên Tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thủ tục tố tụng: Anh Nguyễn Văn L đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do. Căn cứ Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đối với anh L.

[2]. Xét về quan hệ hôn nhân: Chị M và anh L tiến đến hôn nhân trên cơ sở tự nguyện được Ủy ban nhân dân xã B, huyện H, tỉnh L cấp giấy chứng nhận kết hôn số 01 ngày 06 tháng 9 năm 2006. Do đó hôn nhân của chị M và anh L là hôn nhân hợp pháp được quy định tại Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[3]. Xét yêu cầu ly hôn của nguyên đơn: Chị M và anh L tiến đến hôn nhân trên cơ sở tự nguyện. Thời gian đầu anh chị chung sống cũng hạnh phúc khoảng 04 năm nay giữa chị M và anh L xảy ra nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân xuất phát từ việc anh L thường xuyên nhậu nhẹt không lo cho gia đình, giữa anh chị thường xuyên cự cãi, có lúc anh L còn dùng vũ lực đối với chị. Do không thể chịu đựng được nên chị đã ly thân với anh L từ nhiều năm nay. Mâu thuẫn giữa chị và anh L không thể khắc phục được, tình cảm vợ chồng đã hết.

Xét, hôn nhân phải trên cơ sở tự nguyện. Mục đích hôn nhân là đem lại hạnh phúc cho nhau, cùng nhau chung sống, quan tâm chăm sóc, giúp đỡ, lo cho hạnh phúc gia đình. Nhưng mâu thuẫn của chị M và anh L đã đến mức trầm trọng không thể khắc phục, đã có hành vi bạo lực gia đình xảy ra, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Tại phiên tòa chị vẫn bảo lưu ý kiến yêu cầu ly hôn với anh L. Cho thấy việc chị M yêu cầu ly hôn với anh L là phù hợp với quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân & Gia đình năm 2014, có căn cứ để chấp nhận.

[4]. Về con chung: Cháu N đã trên 07 tuổi nguyện vọng của cháu là được ở với chị M. Chị M cũng có yêu cầu được nuôi cháu N. Anh L không có ý kiến gì về yêu cầu nuôi con của chị M. Do đó nên giao cháu N cho chị M tiếp tục nuôi dưỡng.

[5]. Về cấp dưỡng nuôi con: Các đương sự không yêu cầu, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6]. Về tài sản chung: Các đương sự không yêu cầu, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[7]. Về nợ chung: Các đương sự không yêu cầu, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[8]. Về án phí: Buộc chị M phải nộp toàn bộ tiền án phí Hôn nhân & Gia đình sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 9 Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ Điều 3, Điều 27 của Nghị quyết số 326/UBTVQH 14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

1. Cho chị Phan Thị Bé M được ly hôn với anh Nguyễn Văn L.

2. Về con chung: Giao cháu Nguyễn Phan Minh N, sinh ngày 22/4/2007 cho chị Phan Thị Bé M tiếp tục nuôi dưỡng. Anh L có quyền tới lui thăm nom và chăm sóc con chung không ai có quyền cản trở.

3. Về cấp dưỡng nuôi con: Các đương sự không yêu cầu, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

4. Về tài sản chung: Các đương sự không yêu cầu, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

5. Về nợ chung: Các đương sự không yêu cầu giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

6. Về án phí: Buộc chị Phan Thị Bé M nộp 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) tiền án phí Hôn nhân & Gia đình sơ thẩm. Chị M đã nộp 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí theo lai thu số 0001614 ngày 19/6/2018 tại chi cục Thi hành án dân sự huyện Long Hồ nên được khấu trừ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án

hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Án xử có mặt nguyên đơn, bị đơn vắng mặt, báo cho đương sự biết có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Người vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày sau ngày nhận được bản án, hoặc bản án được niêm yết công khai tại nơi cư trú./.

Nơi nhận:

- TAND Tỉnh Vĩnh Long;
- VKSND huyện Long Hồ;
- CC THADS huyện Long Hồ;
- Ủy ban nhân dân xã B-LH-VL
- Các đương sự trong vụ án;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Võ Công Bằng